Lương Thế Vinh (1441 - 1496)

Trạng nguyên Lương Thế Vinh, tự là Cảnh Nghị, hiệu là Thụy Hiên, sinh ngày 1 tháng 8 năm Tân Dậu (1441) trong một gia đình nông dân có học ở làng Cao Hương, huyện Thiên Bản, nay là thôn Cao Phương, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Thời niên thiếu, Lương Thế Vinh đã nổi tiếng là thần đồng, thông minh, nhanh trí. Chuyện kể rằng Lương Thế Vinh học rất mau thuộc, mau hiểu mà chơi cũng rất tài tình (thích thả diều, câu cá, bẫy chim cùng các bạn trẻ chăn trâu). Lớn lên, Lương Thế Vinh càng học giỏi, học có phương pháp, kết hợp học với lao động, vui chơi giải trí. Khác với những người "dùi mài kinh sử", học như con vẹt, chỉ thuộc nhiều "thi thiên, phú bách, văn sách năm mươi", không cần hiểu không cần sáng tạo, Lương Thế Vinh học đến đâu đều có đào sâu hiểu rộng. Khi học thì chuyên tâm, khi thả diều thổi sáo, xem chèo thì thoải mái. Trong khi vui chơi thả diều, Lương Thế Vinh rung dây diều để tính toán ước lượng chiều dài, chiều cao; khi câu cá, Lương Thế Vinh tìm hiểu đời sống của sinh vật, ước tính đo lường chiều sâu ao hồ, chiều rộng sông ngòi... và kiểm tra lại bằng thực nghiệm. Lương Thế Vinh đã nghĩ ra cách đo bóng cây và chiều dài của cây.

Chưa đầy hai mươi tuổi, tài học của Lương Thế Vinh đã nổi tiếng khắp vùng Sơn Nam. Năm 23 tuổi, đời vua Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ tư (1463), *Lương Thế Vinh đỗ trạng nguyên khoa Quý Mùi* (theo *Đại Việt sử ký toàn thư* khoa thi có tới 4.400 cử nhân dự và chọn được 44 tiến sĩ, Lương Thế Vinh đỗ đầu). Vua Lê Thánh Tông phấn khởi trước thắng lợi của khoa thi khi mình mới lên ngôi, đã đặc ân ban một lá cờ khoa, tự tay đề ba vị khoa khôi thành một bài thơ:

Trạng nguyên Lương Thế Vinh

Bảng nhãn Nguyễn Đức Trinh

Thám hoa Quách Đình Bảo

Thiên hạ cộng tri danh.

"Thiên hạ cộng tri danh" nghĩa là mọi người trong thiên hạ đều biết tên. Từ đó, danh tiếng của trạng nguyên Lương Thế Vinh vang lừng khắp nước.

Cuộc đời 32 năm làm quan, Lương Thế Vinh đều ở Viện hàn lâm, trải thăng đến chức Hàn lâm Thị thư chưởng Hàn lâm viện sự, đứng đầu Viện hàn lâm. Ông có biệt tài về ngoại giao, được nhà vua tin yêu, giao trọng trách soạn thảo văn từ bang giao và đón tiếp sứ thần nước ngoài. Nhiều bài biểu do Lương Thế Vinh soạn gửi cho vua Minh để giải quyết mối quan hệ giữa hai nước, đều được vua Minh chấp thuận. Vua Minh phải khen là "nước Nam có lắm người tài".

Trạng nguyên Lương Thế Vinh còn dạy học ở Quốc tử giám, Sùng văn quán và Tú lâm cục là những trường cao cấp thời bấy giờ đào tạo nhân tài cho đất nước về văn chương và toán học. Học trò của ông có nhiều người đỗ đạt cao như Nguyễn Tất Đại (người làng Kha Lý, xã Thụy Quỳnh, Thái Thụy, Thái Bình), đỗ tiến sĩ năm 1469; Trần Bích Hoành (người làng Vân Cát, xã An Thái, nay là Kim Thái, Vụ Bản, Nam Định) đỗ thám hoa năm 1487; Trần Xuân Vinh (người làng Bảo Ngũ nay là phố Năng Tĩnh, thành phố Nam Định) đỗ tiến sĩ; và Lương Đắc Bằng (làng Hội Triều, nay thuộc Hoằng Phong, Hoằng Hóa, Thanh Hóa), đỗ bảng nhãn năm 1499, Lương Đắc Bằng lúc 12 tuổi đã học Lương Thế Vinh, được thầy truyền thụ về toán học, sau này là thầy học của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm.

Lương Thế Vinh không những dạy toán học ở Tú lâm cục, ông còn giữ chức Cấp sự trung khoa công, chuyên khảo sát việc tạo tác các công trình như cung điện, đền đài, thành quách, đường sá, đê điều... cần đến toán học. Lương Thế Vinh đã biên soạn cuốn *Đại thành toán pháp* để tiện dùng, đó là cuốn sách giáo khoa toán đầu tiên ở nước ta. Trong cuốn sách, ông đã tổng kết những kiến thức toán thời đó và cả những phát minh của ông. Mở đầu cuốn sách, Lương Thế Vinh đề bài thơ khuyên mọi người học toán:

Trước thời biết cách thương lường

Tính toán bình nhân ở cửu chương

Thông hay mọi nhẽ điều vinh hiển

Học lấy cho tinh giúp thánh vương!

Trong sách dạy các kiến thức về số học, phương pháp đo lường bóng (phương pháp đồng dạng), hệ số đo lường, cách cân, đo, đong, đếm, định vị, đơn vị, tiền vải..., dạy toán đạc điền...

Ở mỗi phần, mỗi phương pháp, ông còn có bài thơ Nôm cho người ta dễ nhớ. Ví dụ dạy cách tính diện tích hình thang, ông viết:

Tam giác bị cụt đầu

Diện tích tính làm sao

Cạnh trên cạnh dưới cộng vào

Đem nhân với nửa bề cao khắc thành!

Điều đáng chú ý là cuốn sách soạn từ thế kỷ XV, mà mãi đến thế kỷ XIX nó vẫn được dùng làm sách giáo khoa để dạy toán trong các trường học.

Thời Lương Thế Vinh, các công cụ tính toán thật là thô sơ nghèo nàn. Ở Việt Nam lúc đó công cụ tính toán chủ yếu vẫn là hai bàn tay bằng cách "bấm đốt ngón tay". Khi đó người ta còn dùng một sợi dây với những nút thắt làm công cụ đếm (thắt nút, cởi nút)...

Sau nhiều ngày đêm suy nghĩ, Lương Thế Vinh sáng chế ra một công cụ tính toán lợi hơn. Cuối cùng ông đã sáng chế ra *bàn tính gảy* - chiếc bàn tính đầu tiên của Việt Nam. Lúc đầu ông nặn những hòn bi bằng đất có khoan lỗ ở giữa, xâu vào một cái đũi, các xâu buộc cạnh nhau thành một bàn tính ông cải tiến dần những *"viên tính"* bằng đất thành những đốt trúc ngắn, rồi những viên tính bằng gỗ sơn màu khác nhau để dễ tính, dễ nhớ.

Lương Thế Vinh am hiểu sâu sắc về âm nhạc và hát chèo. Vốn là người thích xem chèo, nên dường như không một tối diễn chèo nào ở kinh đô lại vắng mặt ông. Cũng vì Lương Thế Vinh gần gũi nhiều phường

chèo, biết nhiều tích, nhiều vai, nên Lương Thế Vinh thấy được chỗ yếu, chỗ mạnh của từng phường. Ông đã cùng Thân Nhân Trung và Đỗ Nhuận soạn hai bộ *Đồng văn* và *Nhã nhạc* dùng trong quốc lễ và triều hội. Ông nghiên cứu hàng trăm phường chèo, biên soạn cuốn *Hý phường phả lục* ghi lại các khoán ước của phường chèo, kịch bản và diễn xuất, cách đánh trống chèo, phương pháp múa và hát... Năm 1501, năm năm sau khi ông mất, bạn ông là tiến sĩ Quách Hữu Nghiêm (người Thái Bình) đã đề tựa và đưa in tác phẩm trên. *Lịch sử Việt Nam* - tập 1, xuất bản năm 1971 đã ghi nhận: "Cuốn *Hý phường phả lục* của Lương Thế Vinh xuất bản năm 1501 có thể coi đó là tác phẩm lý luận đầu tiên về nghệ thuật kịch hát cổ truyền. Tác giả đã tổng kết kinh nghiệm và nêu lên những nguyên tắc có tính chất lý luận về nghệ thuật biểu diễn, diễn viên, múa hát và đánh trống".

Về văn thơ, Lương Thế Vinh cũng có nhiều đóng góp. Ông giữ chức Sái phu trong hội thơ Tao Đàn của vua Lê Thánh Tông, là người chuyên phê bình, sửa chữa thơ trong hội, nhiều lần đã ngâm họa với vua Lê như bài *Tướng sĩ nhớ nhà* và bài *Động Lục Vân.* Ông còn cùng với Đỗ Nhuận, Thân Nhân Trung, Đào Cử... soạn nhiều bài ký, văn bia ở Văn Miếu, ở chùa Diên Hựu (Một Cột). Ông để lại hai bài phú ca ngợi cuộc sống thanh cao, không màng danh hoa phú quý. Văn thơ của Lương Thế Vinh, nhìn chung thể hiện sâu sắc tư tưởng yêu nước, thương dân, căm ghét bọn quan lại tham nhũng, thích cuộc sống thanh cao, gần gũi với dân quê...

Lương Thế Vinh là người trọng thực học, thích mở mang kinh tế. Ông đã dạy dân làng Hương làm nghề thuốc bắc, thuốc nam chữa bệnh cứu người, khuyến khích mở nhiều chợ búa để dân mua bán, trao đổi hàng hóa. Ông thích mở mang dân trí xuống tận dân thôn, giáo dục con người cả tài cả đức. Trong bài văn sách thi Đình, vua hỏi về "Đạo trị nước của bậc đế vương", Lương Thế Vinh viết:

"Việc giáo dục làm tốt thì phong tục đẹp, có tôn sư trọng đạo mới có nhiều người tài giỏi. Giáo chức có quan hệ lớn như vậy đó. Nhưng việc giáo dục hiện chỉ chú ý đến văn chương, cái đáng lo là chưa dạy đức hạnh."

Yêu nước, thương dân, ông luôn muốn cho đất nước thanh bình, dân ấm no, triều đình và dân cùng lo việc nước. Với suy nghĩ như vậy, nên đoạn văn sách thi Đình nổi tiếng đó, Lương Thế Vinh khuyên nhà vua ra sức kén chọn người hiền tài, đặt quan chức để "vì dân mà làm việc", khuyên nhà vua và triều đình phải "đồng tâm nhất thể". Ông viết:

"Vua tự sửa mình, bầy tôi tự sửa mình thì chính sự sẽ được tốt đẹp, lê dân đều có đức thì chính được lòng người, trừ được tệ xấu".

Cuối đời trạng nguyên Lương Thế Vinh về trí sĩ tại quê nhà. Ông về hưu thực ra không phải vì ốm yếu, mà ông muốn rảnh rỗi trở về sống yên tĩnh ở quê hương, làm thêm việc gì có ích trước khi xuôi tay, nhắm mắt. Ý đã quyết, Lương Thế Vinh không nghe theo lời nài ép của vua và cũng không nhận quà của vua ban để giữ lòng cho sạch. Sống ở quê hương, ngày ngày ông thả diều, đọc sách, vui chơi với các bô lão nông thôn. Ông đi sâu nghiên cứu về đạo Phật, đã chú giải nhiều kinh Phật và đề tựa cho in nhiều tác phẩm Phật học như *Nam tông tự pháp đồ* và *Thiền môn giáo khoa* của nhà sư Thường Chiếu thời Lý.

Nhân dân Cao Hương yêu mến Lương Thế Vinh. Nhưng yêu hơn vẫn là đám học trò đã và đang học Lương Thế Vinh. Cứ đến mùa sen nở, ông lại một lần tiễn học trò mình đi thi. Học trò Sơn Nam đến theo học ông ngày càng đông và không ít người đã thành đạt.

Rút từ bài học bản thân mình, Lương Thế Vinh rèn cho học trò một cách học thông minh. Khi học ra học, khi chơi ra chơi, không học ngày học đêm theo cách sôi kinh nấu sử.

Tuổi ngày càng cao, nhưng cũng như thú vui thả diều, hàng ngày Lương Thế Vinh thường la cà quán nước, nhất là quán cây đa cổ thụ có bóng râm mát cả một vùng rộng ở làng bên. Ở nơi đây ông có thể nghe được nhiều điều hay dở để răn dạy học trò, răn dạy người đời và cũng để sửa mình nữa. Ông rất yêu con trẻ, thường bày cho chúng những trò chơi vui nhộn và bổ ích. Thấy trẻ rất thích nặn con rối, *ông đã nghĩ ra cách chơi rối nước.* Trò chơi này thật vui, thật hấp dẫn. Người các nơi tìm đến học để phổ biến ở quê mình. Từ đó múa rối nước trở thành một loại nghệ thuật sân khấu đặc sắc trong nhân dân, truyền mãi đến ngày nay.

Trạng nguyên Lương Thế Vinh mất tại quê nhà ngày 26 tháng 8 năm Bính Thìn (1496), thọ 55 tuổi.

Nghe tin Lương Thế Vinh qua đời, vua Lê Thánh Tông đã khóc và làm thơ Nôm điếu ông, trong đó có hai câu kết:

Khuất ngón tay than tài cái thế

Lấy ai làm trạng nước Nam ta.

Nhà bác học Lê Quý Đôn (thế kỷ XVIII) đã hết lời ca ngợi Lương Thế Vinh, đánh giá ông là con người có tài kinh bang tế thế, một con người *"tài hoa danh vọng vượt bậc*".

Những đánh giá trên, thiết nghĩ là khá đầy đủ và đúng nhất về trạng nguyên Lương Thế Vinh.

Hình ảnh trạng nguyên Lương Thế Vinh còn sống mãi trong tâm thức mọi người bằng truyền thuyết và giai thoại về cuộc đời, sự nghiệp, tài đức và lòng yêu nước, yêu dân của ông.

Nhân dân làng Cao Hương đã quý mến giữ gìn phần mộ của ông tại khu Mả Trạng. Đền thờ trạng nguyên Lương Thế Vinh được xây dựng trên nền nhà cũ tại Giáp Nhất, làng Cao Hương.

TS. Lưu Minh Trị

Danh nhân Hà Nội, Vũ Khiêu (cb), Nxb Hà Nội, 2004, Tr336-341